

Phẩm 60: NHÂN DUYÊN CỦA A-NAN

Một hôm, các vị Đại đức phạm hạnh thỉnh Trưởng lão A-nan làm thị giả cho Đức Phật. Từ ấy về sau, Trưởng lão A-nan đem hết tâm lực của mình làm vừa ý Như Lai. Những gì Như Lai nói ra, Trưởng lão đều ghi nhớ. Những việc thế gian hay xuất thế gian, khi được nghe Đức Phật nói ra, Trưởng lão đều ghi nhớ vào lòng không quên. Nếu có ai đến hỏi chỗ nghi ngờ, cũng đều giải thích, khiến tâm họ được hoan hỷ.

Do vậy, Đức Thế Tôn họp chúng, tuyên bố với các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, trong số thị giả hàng Thanh văn đệ tử của Ta, người có Trí tuệ đa văn, đó là Tỳ-kheo A-nan này vậy.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão A-nan ở trong quá khứ đã trồng thiện căn gì, mà nay nhờ thiện căn đó được sinh trong nhà đại hào tộc họ Thích, rất nhiều của cải, có nhiều thế lực, cho đến tất cả nhu cầu không thiếu một thứ gì? Do thiện nghiệp gì ngày nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, được các Thánh pháp, khi nghe Thế Tôn nói những pháp thế gian hoặc xuất thế gian, nhớ mãi không quên? Có ai đến hỏi chỗ nghi ngờ, Trưởng lão cũng giải đáp khiến tâm họ được hoan hỷ. Được Thế Tôn ghi nhận: “Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người có trí tuệ đa văn nhớ mãi không quên đệ nhất, đó là Tỳ-kheo A-nan này vậy.”

Nghe các Tỳ-kheo hỏi như vậy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ trong thời quá khứ xa xưa, cũng nơi thành Ba-la-nại này, có vị vua trị vì tên Phạm Đức. Nhà vua có hai vương tử, người thứ nhất tên Hỷ Căn, người thứ hai tên Bà-nô (*nhà Tùy dịch là Nguyệt*).

Trong hai người này, Hỷ Căn là vương tử lớn, bản tánh hiền lành điềm đạm, chất trực nhu hòa, từ tâm quảng đại, biết sợ tội lỗi, xa lìa ái dục. Vương tử Hỷ Căn thấy cảnh phép vua trị tội trong thành, quan lại gây khổ não giết hại, nhiều cảnh trói buộc giam cầm như gông cùm, xiềng xích, nhà giam, hầm nốt rất kiên cố, chặt đứt tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, móc mắt... Vương tử thấy vậy liền suy nghĩ: “Khi phụ vương ta trăm tuổi, băng hà rồi, ta làm sao trị vì? Ta biết dùng vương vị như thế này để làm việc gì? Thân mạng ta cũng không biết dùng làm việc gì? Vì sao vậy? Ta đã thấy tất cả chúng sinh bị bao nhiêu khổ não bức xúc thân thể. Như vậy ngày nay tốt nhất là xuất gia tu đạo.” Nghĩ như vậy rồi, chàng đi đến thưa với phụ vương và mẫu hậu: “Kính thưa cha mẹ, con muốn xả tục xuất gia học đạo.”

Bấy giờ phụ vương và mẫu hậu nói với vương tử: “Con là đứa con yêu dấu của cha mẹ, tâm ý cha mẹ luôn luôn nghĩ đến con, mắt nhìn hoài không biết chán. Cha mẹ thà chịu chết chứ không thể xa con, hễ cha mẹ còn sống ngày nào thì nhất định không cho con xuất gia.”

Nói lời như vậy đôi ba lần, vương tử Hỷ Căn thưa phụ vương và mẫu hậu: “Kính thưa cha mẹ biết cho, ngày nay con quyết định xuất gia. Cúi xin cha mẹ thương xót cho phép.”

Wương tử luôn thưa phụ vương và mẫu hậu lời như vậy nên phụ vương và mẫu hậu cho phép vương tử xuất gia và bảo vương tử: “Con là con của ta, hãy làm theo ý muốn của con.”

Bấy giờ vương tử Hỷ Căn được phụ vương và mẫu hậu cho phép được xuất gia.

Vào một ngày kia, vương tử Hỷ Căn sau khi đã xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc,

tuần tự tu tập thành bậc Duyên giác, đầy đủ các pháp thần thông biến hóa, phóng quang, phun nước, xoay chuyển mặt trời, chấn động đại địa, nổi mây, phát mưa... mọi việc biến hóa một cách tự tại.

Vị Bích-chi-phật suy nghĩ: “Ta vì việc gì mà xuất gia? Sự việc như vậy, ta đã làm hoàn tất, đã được tự lợi, bổn phận đã xong. Ta nên thương xót cha mẹ và quyến thuộc cùng các chúng sinh, mà trở về hoàng cung, làm ruộng phước cho họ.” Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn đi dần về thành Ba-la-nại. Khi đến nơi, Bích-chi-phật dừng chân nơi rừng A-la, trong thành của phụ vương Phạm Đức.

Khi ấy vua Phạm Đức nghe nói: “Đồng tử Hỷ Căn đã thành Tiên nhân, đang về nơi đây, hiện ở trong thành.” Nên suy nghĩ: “Vậy ta nên đến gặp Hỷ Căn, hỏi thăm an ủi.” Lúc ấy vua Phạm Đức dùng oai thế của mình, trang nghiêm oai phong với bốn binh chủng hộ vệ đưa ra khỏi thành, để thể hiện thần đức của mình.

Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn từ xa trông thấy phụ vương đến, thầm nghĩ: “Những người này và vua Phạm Đức... có oai quyền thế lực rất lớn, nên họ ngã mạn cống cao. Nếu ở trước vua Phạm Đức... ta thủ lễ thì nhất định họ không cung kính ta.”

Nghĩ như vậy rồi, Bích-chi-phật bay vọt lên hư không hiện các phép thần thông biến hóa như nằm, ngồi, đi kinh hành, nửa thân bốc khói, nửa thân phun lửa, nửa thân phía trên phun lửa, nửa thân phía dưới phun nước...

Khi ấy Đại vương Phạm Đức cùng bá quan quần thần thấy Tôn giả đại thánh Bích-chi-phật bay vọt lên hư không thị hiện các thần thông biến hóa. Nhà vua thấy vậy, lại nghĩ: “Đồng tử của ta xả bỏ vương vị đi xuất gia, nay đã thành đại tiên, có đại oai đức, có đại thần thông”, nên hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Nhà vua đi đến chỗ ngồi của Bích-chi-phật. Khi nhà vua gần đến nơi thì Bích-chi-phật từ hư không từ từ hạ xuống. Nhà vua đến nơi, hoan hỷ cung kính lễ bái, vừa lúc Bích-chi-phật hạ xuống, ngồi trên tòa cũ.

Khi ấy vua Phạm Đức đảnh lễ dưới chân Bích-chi-phật rồi đứng lui về một bên. Bấy giờ Bích-chi-phật thuyết một ít diệu pháp, khiến nhà vua vô cùng vui mừng hớn hở, thể hiện an lành.

Khi vua được nghe Bích-chi-phật thuyết pháp, vui mừng hớn hở, thưa: “Lành thay! Thưa Đại tiên, xin nhận lời mời của tôi, Tiên nhân ở luôn trong cung, tôi sẽ vì Tôn giả tạo cảnh chùa và nhà kinh hành, cung cấp bốn sự cúng dường. Tôn giả muốn gì, tôi đều cung ứng đầy đủ. Nếu Tôn giả vì thương xót chúng sinh nơi thôn xóm, thành ấp muốn đi khát thực thì Tôn giả tự do đi, tôi không cản trở.”

Tôn giả Bích-chi-phật im lặng nhận lời mời của phụ vương. Khi ấy nhà vua thấy Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn im lặng nhận lời mời, nên vội vã sắm sửa các thứ cúng dường: nhà kinh hành, bốn sự cúng dường... tất cả được sắm sửa bài trí xong. Còn bao nhiêu nhu cầu khác đều được cung cấp đầy đủ.

Một hôm, Bích-chi-phật vì thương xót chúng sinh, đi vào thành khát thực. Vào lúc Bích-chi-phật vào thành khát thực, vương tử Bà-nô đi đến chỗ Tiên nhân Bích-chi-phật Hỷ Căn phụng sự cúng dường. Những điều nghi ngờ trong tâm vị ấy thường đến hỏi Bích-chi-phật. Bích-chi-phật bị vương tử Bà-nô hỏi thì im lặng không đáp, chỉ nơi các ngón tay phóng ra lửa sáng. Bấy giờ vương tử Bà-nô thầm nghĩ: “Bích-chi-phật này có đại thần thông mà không có biện tài.”

Bích-chi-phật Hỷ Căn nói với vương tử Bà-nô: “Này vương tử, vương tử nên xuất

gia. Nếu ngày nay vương tử không chịu xuất gia, ta biết chắc chắn sau khi chết vương tử sẽ rơi vào đường ác. Nếu vương tử xuất gia, thì ta cũng biết vương tử thành bậc Đại tiên có đại thần thông.”

Bấy giờ vương tử Bà-nô về thưa với phụ vương và mẫu hậu: “Lành thay! Thưa cha mẹ, Tiên nhân Hỷ Căn nay đã xuất gia. Ý con ngày nay cũng muốn xuất gia. Cúi xin cha mẹ thương xót cho con toại ý.”

Nhà vua và hoàng hậu không cho phép, nhưng vương tử Bà-nô vẫn thường luôn đến chỗ Tiên nhân Hỷ Căn thờ phụng cúng dường. Bích-chi-phật cũng lại thường nói với vương tử Bà-nô:

–Vương tử phải xuất gia...

Wương tử Bà-nô đáp lời Bích-chi-phật: “Phụ vương và mẫu hậu ngày nay nhất định không cho em xuất gia. Việc ấy phải làm thế nào?”

Bấy giờ Tiên nhân Bích-chi-phật thấy trên mặt vương tử Bà-nô hiện tử tướng, chắc chắn bảy ngày nữa sẽ chết, nên Tiên nhân bảo vương tử: “Này vương tử Bà-nô, đến đây! Vương tử nhất định phải xuất gia. Vì lý do gì? Vì tướng chết của vương tử đã hiện, trong bảy ngày nữa vương tử sẽ qua đời.”

Wương tử Bà-nô trở về thưa cha mẹ: “Kính bạch phụ vương và mẫu hậu, cúi xin song thân cho con xả tục xuất gia.”

Lúc ấy Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn cũng đến thưa cha mẹ: “Bạch phụ vương cùng mẫu hậu, cha mẹ phải cho em xuất gia. Vì sao? Vì em Bà-nô đã xuất hiện tử tướng, trong vòng bảy ngày nữa sẽ qua đời. Vì nhân duyên này, cha mẹ nhất định sẽ biệt ly em con. Vì vậy, thà cho em đi xuất gia, chết trong pháp xuất gia, chớ nên để ở nhà.”

Phụ vương và mẫu hậu nói: “Nếu nhất định trong bảy ngày nữa vương tử Bà-nô sẽ chết, vĩnh biệt chúng ta, nên chúng ta phải cho xuất gia.”

Ngay lúc ấy vương tử Bà-nô liền cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, thành người xuất gia. Ở trong bảy ngày cung kính phụng thờ Bích-chi-phật. Vị Bích-chi-phật dạy cho Bà-nô các pháp oai nghi. Mãn ngày thứ sáu, sang đến ngày thứ bảy, Bích-chi-phật biết Bà-nô nhất định phải chết. Do vì thương xót nên Bích-chi-phật rời khỏi tòa, bay vụt lên hư không, thể hiện các thần thông đi kinh hành, nằm, ngồi, phun khói, phun lửa, ẩn thân không hiện... Tiên nhân Bà-nô thấy Bích-chi-phật Hỷ Căn ở trong hư không biến hóa các thần thông như vậy. Thấy vậy Bà-nô rất vui mừng hơn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, chấp tay hương về Bích-chi-phật đánh lễ; đánh lễ rồi, phát nguyện: “Tôi nguyện đời vị lai thường được gặp vị Thánh nhân Bích-chi-phật như thế này, hay hơn thế nữa. Bao nhiêu giáo pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện nghe rồi đều được thông suốt.”

Lại nguyện: “Tôi được làm thị giả hầu hạ cúng dường Thánh nhân ấy.”

Lại nguyện: “Ở đời vị lai tôi được các thần thông, bao nhiêu oai lực đều như Bích-chi-phật này. Nếu có ai đến hỏi tôi nghĩa lý các pháp, tôi đều vì họ giải thích, khiến họ được hoan hỷ.”

Lại nguyện: “Đời đời kiếp kiếp không rơi vào các đường ác.”

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu ai có tâm nghi ngờ vương tử Bà-nô ở trong bảy ngày thọ pháp và cung kính cúng dường Bích-chi-phật thuở ấy là người nào thì chớ nên nghĩ gì khác, tức là Tỳ-kheo A-nan này vậy.

Vương tử Bà-nô thuở ấy do tâm hoan hỷ cúng dường Bích-chi-phật Hỷ Căn nên nay được phước báo sinh trong nhà họ Thích.

Lại đối với Bích-chi-phật phát nguyện: “Tôi nguyện đời đời kiếp kiếp không đọa vào các cõi ác”, do phước báo ấy nên chưa từng rơi vào các cõi ác, chỉ lưu chuyển sinh lên trời và nhân gian, hưởng khoái lạc tuyệt diệu.

Lại thuở ấy nhờ phát nguyện: “Nguyện đời vị lai gặp bậc Thánh nhân giáo thọ sư như thế này, hoặc hơn thế nữa, những giáo pháp của Thánh nhân nói ra, tôi nguyện nghe qua một lần liền được thông suốt.” Do vì nghiệp báo này nên ngày nay gặp Ta là Vị Giáo Sư, lại ở bên Ta được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng được Thánh pháp.

Lại thuở ấy phát nguyện: “Tôi nguyện ở đời vị lai gặp được vị giáo sư như vậy, tôi nguyện được làm thị giả cúng dường Thánh giả.” Nhờ phước báo của nghiệp duyên này, nên nay làm thị giả cung kính cúng dường Ta.

Lại thuở ấy phát nguyện thế này: “Tôi nguyện ở đời vị lai được đại thần thông, có đại oai lực.” Nhờ phước báo nghiệp nhân này nên ngày nay thành bậc Đại thánh, có đại oai lực.

Lại thuở ấy phát nguyện thế này: “Nếu đời vị lai có ai đến hỏi những điều nghi ngờ, tôi sẽ vì họ giải thích, phân tích rõ ràng, khiến tâm họ được hoan hỷ.” Nhờ phước báo nghiệp nhân đó, nên ngày nay nếu có ai đến hỏi điều nghi ngờ, thì vì họ giải thích, khiến họ được hoan hỷ.

Bấy giờ Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở quá khứ lâu xa, tại thành Ba-la-nại này, có một vị đại phú trưởng giả tên là Tăng-tát-đà-na (*nhà Tùy dịch là Vương An*). Vị trưởng giả này rất nhiều của cải, gia nghiệp vĩ đại giống như cung điện Thiên vương Tỳ-sa-môn không khác. Trong nhà mỗi ngày thường có đến năm trăm Bích-chi-phật lui tới khát thực. Thuở ấy có một bình bát của một Bích-chi-phật đáy nhọn như hình vú bò, nên bình bát mỗi khi để lên cỏ hay trên tấm thảm, liền ngã, không thể đứng vững.

Trưởng giả Tăng-tát-đà-na có một cô con gái, hình dung đoan chánh dễ thương, đầy đủ đức tướng của nữ nhi. Cô nàng thấy bình bát của Bích-chi-phật để không vững, liền cởi chiếc vòng của mình dâng cho Bích-chi-phật, bạch: “Cúi xin Đại tiên nhận lấy chiếc vòng này, dùng lót đáy bát.”

Bấy giờ Tiên nhân vì thương xót cô ta, nên nhận lấy chiếc vòng dùng để lót đáy bát, nên bình bát không bị nghiêng ngã. Khi ấy cô gái thấy chiếc bát của Bích-chi-phật đứng yên trên chiếc vòng không bị nghiêng ngã, nên vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, nên phát nguyện: “Như bình bát của Tiên nhân đặt trên chiếc vòng này không ngã không nghiêng, thì ta nguyện ở đời vị lai, nếu nghe những pháp thế gian hay xuất thế gian của Thánh nhân nói ra, ta đều ghi nhớ hoàn toàn.”

Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nếu có thầy nào nghi ngờ cô gái nhà trưởng giả thuở ấy nay là ai thì chớ nên có ý nghĩ gì khác, tức là Tỳ-kheo A-nan này vậy. Do thuở ấy hoan hỷ cởi chiếc vòng trên tay, dâng cho Tôn giả Bích-chi-phật để lót đáy bình bát, nhân đây phát nguyện: “Như Tiên nhân đặt bát trên chiếc vòng thì không ngã không nghiêng, ta nguyện ở đời vị lai, nếu nghe được bao nhiêu pháp thế gian hay xuất thế gian, tất cả đều ghi nhớ hoàn toàn không quên.” Do nghiệp nhân đó, nay được phước báo những gì nghe được không quên.

Lại một hôm nọ, mặt trời còn ở phương Đông, Trưởng lão A-nan đắp y mang

bình bát, đi vào thành Xá-bà-đề khát thực. Khi đi khỏi khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, nhưng chưa đến thành Xá-bà-đề, trên khoảng đường đi có một đại thọ tên là Thi-xa-ba, dưới tàng cây này có nhiều vị Bà-la-môn đang dừng nghỉ. Từ xa, trông thấy Trưởng lão A-nan sắp đi đến nơi, các Bà-la-môn ấy nói với nhau:

–Các người phải biết, vị Sa-môn em Cù-đàm này, trong hàng thông minh đa văn trí tuệ, thì người này là bậc nhất.

Họ nói lời như vậy rồi thì Tôn giả vừa đến nơi. Họ hỏi:

–Thưa Nhân giả, nay xin ngài quán sát cây Thi-xa-ba này có bao nhiêu lá?

Quán đại thọ rồi, Tôn giả A-nan bảo họ:

–Cành cây phía Đông tổng cộng gồm có chừng ấy trăm ngàn lá...

Lần lượt như vậy cho đến cành cây phía Nam, phía Tây, phía Bắc, Tôn giả đều nói:

–Tổng cộng gồm có chừng ấy trăm ngàn lá.

Nói như vậy rồi, Tôn giả bỏ đi. Sau khi Tôn giả A-nan đi rồi, các Bà-la-môn lật cây ấy chừng trăm lá rồi giấu đi một nơi khác. Khi Tôn giả A-nan trở lại, các vị Bà-la-môn lại chận hỏi:

–Thưa Tôn giả A-nan, ngài đã trở lại. Xin ngài quán sát cây Thi-xa-ba có bao nhiêu lá?

Bấy giờ Tôn giả A-nan ngược xem cây rồi liền biết Bà-la-môn rút dấu chừng trăm lá, liền nói với họ:

–Cành phía Đông có chừng ấy trăm ngàn lá...

Như vậy cho đến cành phía Nam, cành phía Tây, cành phía Bắc cũng nói chừng ấy trăm ngàn lá. Tôn giả nói như vậy rồi liền bỏ đi.

Lúc bấy giờ các vị Bà-la-môn cho là việc ít có, chưa từng thấy. Họ nói với nhau:

–Vị Sa-môn này trí tuệ hết sức thông minh.

Các Bà-la-môn do vì nhân duyên này sinh tâm chánh tín. Đã có chánh tín rồi, sau đó chẳng bao lâu họ đều được xuất gia, thành A-la-hán.

Lúc bấy giờ có Trưởng lão Phân-na-bà-tố (*nhà Tùy dịch là Phi Túc*), Trưởng lão Cung-tỳ-la (*nhà Tùy dịch là Giao Long*), Trưởng lão Nan-đề-ca. Ba người này chỉ biết nguyên nhân mình xuất gia mà không biết nguyên do mình từ đâu sinh ra, cũng không biết các đời quá khứ tạo nghiệp gì. Họ hỏi kinh này đặt tên gì?

Đáp rằng:

–Các thầy thuộc bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ gọi là Bốn Sự.

–Các thầy thuộc bộ phái Tát-bà-đa gọi là Đại Trang Nghiêm.

–Các thầy thuộc bộ phái Ca-diếp-di gọi là Nhân Duyên Phật Sinh.

–Các thầy thuộc bộ phái Đàm-vô-đức gọi là Bốn Hạnh Của Phật Thích-ca Mâu-ni.

–Các thầy thuộc bộ phái Ni-sa-tắc gọi là Căn Bốn Của Tạng Tỳ-ni.

